

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực hoạt động  
khoa học công nghệ và sở hữu trí tuệ thuộc thẩm quyền  
giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cà Mau**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 181/TTr-SKHCN ngày 30/3/2016,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này 04 thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực hoạt động khoa học công nghệ và sở hữu trí tuệ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ; bãi bỏ, hủy bỏ 02 thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 904/QĐ-UBND ngày 20/6/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh (có danh mục kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Sở Tư pháp; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Cà Mau; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- Cục Kiểm soát TTHC, Bộ Tư pháp;
- Cục Công tác phía Nam, Bộ Tư pháp;
- Công TTĐT tỉnh Cà Mau;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- NC (N 110);
- Lưu: VT, Ktr56/4.



**Thân Đức Hưởng**



**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH CÀ MAU**

phần hành kèm theo Quyết định số 693 /QĐ-UBND ngày 21/4/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

**PHẦN I  
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành**

STT	Tên thủ tục hành chính
<b>I. Lĩnh vực hoạt động khoa học công nghệ</b>	
01	Thủ tục đề xuất nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước
02	Thủ tục đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước
03	Thủ tục đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước
<b>II. Lĩnh vực sở hữu trí tuệ</b>	
01	Hỗ trợ kinh phí đăng ký nhãn hiệu

**2. Danh mục thủ tục hành chính bị hủy bỏ, bãi bỏ**

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ, hủy bỏ thủ tục hành chính
<b>I. Lĩnh vực hoạt động khoa học công nghệ</b>			
01	T-CMU-239588-TT	Đăng ký thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh	Quyết định số 31/2015/QĐ-UBND ngày 06/10/2015 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Cà Mau.
<b>II. Lĩnh vực sở hữu trí tuệ</b>			
01	T-CMU-240171-TT	Hỗ trợ kinh phí đăng ký nhãn hiệu	Quyết định số 18/2010/QĐ-UBND ngày 15/9/2010 của UBND tỉnh Cà Mau về việc ban hành Quy chế hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến và quyền bảo hộ sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh Cà Mau;

## **PHẦN II**

### **NỘI DUNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

#### **I. Lĩnh vực hoạt động khoa học công nghệ**

**1. Thủ tục đề xuất nhiệm vụ nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước**

##### **a) Trình tự thực hiện:**

- Trong thời gian 60 ngày làm việc kể từ khi có thông báo đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ (địa chỉ: <http://sokhcn.camau.gov.vn>), các cơ quan, tổ chức, cá nhân có yêu cầu nộp phiếu đề xuất nhiệm vụ nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Khoa học và Công nghệ (Số 263 Trần Hưng Đạo, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau; Điện thoại: 0780.3837128; 3837232; Fax: 0780.3815540) vào giờ hành chính các ngày làm việc (trừ ngày nghỉ lễ theo quy định), thời gian cụ thể như sau:

+ Buổi sáng: Từ 07 giờ đến 11 giờ.

+ Buổi chiều: Từ 13 giờ đến 17 giờ.

- Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung phiếu đề xuất:

+ Nếu hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và viết phiếu hẹn trao cho người nộp phiếu đề xuất.

+ Nếu phiếu đề xuất thiếu hoặc không hợp lệ thì lập phiếu hướng dẫn một lần để chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ đúng theo quy định.

- Trường hợp gửi phiếu đề xuất qua đường bưu điện: Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được hồ sơ), nếu phiếu đề xuất chưa đầy đủ, người tiếp nhận lập phiếu hướng dẫn bổ sung nội dung còn thiếu hoặc chưa đúng quy định.

- Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức thẩm định phiếu đề xuất. Phiếu đề xuất được đánh giá đạt yêu cầu khi đáp ứng 02 yêu cầu sau:

+ Đầy đủ thông tin trong phiếu đề xuất;

+ Có đủ cơ sở về tính cấp thiết của nhiệm vụ đề xuất.

- Theo thời gian ghi trong phiếu hẹn, tổ chức, cá nhân liên hệ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả để nhận kết quả.

##### **b) Cách thức thực hiện:**

Nộp phiếu đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ trực tiếp tại trụ sở của Sở Khoa học và Công nghệ hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

##### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

- + Phiếu đề xuất đề tài khoa học công nghệ cấp tỉnh (theo mẫu Phụ lục 1).
- + Phiếu đề xuất dự án sản xuất thử nghiệm cấp tỉnh (theo mẫu Phụ lục 2).
- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 90 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân đăng ký đề xuất nhiệm vụ khoa học công nghệ.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Khoa học và Công nghệ.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

**h) Lệ phí:** Không.

**ì) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Phiếu đề xuất đề tài khoa học công nghệ cấp tỉnh.
- Phiếu đề xuất dự án sản xuất thử nghiệm cấp tỉnh.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Khoa học và công nghệ năm 2013;
- Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ;
- Thông tư số 07/2014/TT-BKHHCN ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;
- Quyết định số 31/2015/QĐ-UBND ngày 06/10/2015 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Cà Mau.



**TÊN TỔ CHỨC ĐỀ XUẤT DỰ ÁN      CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày... tháng... năm 20..

**PHIẾU ĐỀ XUẤT DỰ ÁN SXTN CẤP TỈNH**

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Cà Mau.

- Tôi tên: ..... Giới tính: .....
- Đơn vị công tác: .....
- Số điện thoại liên hệ: .....
- Theo Thông báo số ..... ngày ..... tháng ..... năm ..... của Sở KH&CN Cà Mau về việc đề xuất đề tài/dự án KH&CN năm ..... . Nay chúng tôi xin đề xuất dự án như sau:

1. Tên dự án sản xuất thử nghiệm:

2. Thông tin chung của tổ chức/cá nhân đăng ký dự án SXTN

- Tên, địa chỉ của tổ chức đề xuất dự án SXTN cấp tỉnh
- Họ và tên, học vị, chức vụ địa chỉ cá nhân đề xuất dự án SXTN cấp tỉnh

3. Xuất xứ của dự án: nêu rõ một trong các nguồn sau:

- Kết quả của đề tài KH&CN cấp .... đã được đánh giá nghiệm thu.
- Sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm khoa học được giải thưởng Hội thi sáng tạo, ...
- Kết quả KH&CN từ nước ngoài (tên nước, tên cơ quan có kết quả KH&CN).

4. Giải trình về tính cấp thiết (sự phù hợp với hướng công nghệ ưu tiên; tạo ra công nghệ và sản phẩm chuyển giao được cho sản xuất; ý nghĩa kinh tế - xã hội của dự án SXTN, ...)

5. Mục tiêu của dự án:

6. Sản phẩm và chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu:

7. Về thị trường tiêu thụ sản phẩm và địa chỉ áp dụng:

8. Nhu cầu kinh phí để thực hiện:

Tổng số: ..... triệu đồng, trong đó: ..... triệu đồng

- Kinh phí của tổ chức chủ trì thực hiện dự án: ..... triệu đồng

- Kinh phí hỗ trợ từ ngân sách sự nghiệp khoa học: ..... triệu đồng

9. Khả năng huy động nguồn vốn kinh phí (đối ứng và nguồn khác)  
(Bằng .....% kinh phí hỗ trợ từ ngân sách sự nghiệp khoa học)

10. Dự kiến thời gian thực hiện :

11. Đơn vị đặt hàng nghiên cứu phải cam kết dành nguồn vốn đối ứng đơn vị để nhân rộng kết quả dự án SXTN (nếu dự án SXTN đạt mục tiêu đề ra).

....., ngày ... tháng ... năm ...

**Tổ chức/cá nhân đề xuất**

*(Cá nhân: ký, ghi rõ họ và tên*

*Tổ chức: thủ trưởng cơ quan ký tên, đóng dấu)*

**2. Thủ tục đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước**

**a) Trình tự thực hiện:**

- Trên cơ sở thông báo tuyển chọn, xét chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Sở Khoa học và Công nghệ; trong thời gian 60 ngày kể từ ngày thông báo nộp hồ sơ, các cơ quan, tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Khoa học và Công nghệ (Số 263 Trần Hưng Đạo, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau; Điện thoại: 0780.3837128; 3837232; Fax: 0780.3815540) vào giờ hành chính các ngày làm việc (trừ ngày nghỉ lễ theo quy định), thời gian cụ thể như sau:

+ Buổi sáng: Từ 07 giờ đến 11 giờ.

+ Buổi chiều: Từ 13 giờ đến 17 giờ.

- Công chức tiếp nhận kiểm tra hồ sơ, nếu hồ sơ đầy đủ thì tiếp nhận và viết phiếu hẹn; nếu hồ sơ chưa đủ thì lập phiếu hướng dẫn bổ sung một lần đầy đủ theo quy định.

- Trường hợp gửi hồ sơ qua đường bưu điện: ngày chứng thực nhận hồ sơ là ngày ghi theo dấu của bưu điện hoặc dấu đến của cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

- Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức kiểm tra và xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ; trong thời hạn 10 ngày làm việc Sở Khoa học và Công nghệ tiến hành mở, kiểm tra và xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ và thông báo cho tổ chức, cá nhân về tính hợp lệ của hồ sơ.

- Theo thời gian ghi trong phiếu hẹn, tổ chức, cá nhân liên hệ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả để nhận kết quả.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc thông qua hệ thống bưu chính.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Bản sao giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

+ Đơn đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (Biểu B1-1-DON);

+ Thuyết minh đề tài (Biểu B1-2a-TMĐTCN hoặc Biểu B1-2b-TMĐTXH); thuyết minh dự án (Biểu B1-2c-TMDA); thuyết minh đề án (Biểu B1-2d-TMDA).

+ Tóm tắt hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ (Biểu B1-3-LLTC) và gửi kèm theo kết quả đánh giá hoạt động hàng năm của tổ chức khoa học và công nghệ (nếu có);

+ Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký chủ nhiệm và các cá nhân đăng ký thực hiện chính nhiệm vụ khoa học và công nghệ có xác nhận của cơ quan quản lý nhân sự (Biểu B1-4-LLCN).



+ Sơ yếu lý lịch khoa học của chuyên gia nước ngoài kèm theo giấy xác nhận về mức lương chuyên gia (trường hợp thuê chuyên gia nước ngoài).

+ Văn bản xác nhận về sự đồng ý của các tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có), (Biểu B1-5-PHNC).

+ Văn bản chứng minh năng lực về nhân lực khoa học và công nghệ, trang thiết bị của đơn vị phối hợp và khả năng huy động vốn từ nguồn khác để thực hiện (trường hợp có đơn vị phối hợp, huy động vốn từ nguồn khác).

+ Đối với dự án: văn bản pháp lý cam kết và giải trình khả năng huy động vốn từ các nguồn ngoài ngân sách nhà nước đạt ít nhất 70% tổng kinh phí đầu tư (báo cáo tài chính của doanh nghiệp trong 02 - 03 năm gần nhất; cam kết cho vay vốn hoặc bảo lãnh vay vốn của các tổ chức tín dụng; cam kết pháp lý và giấy tờ xác nhận về việc đóng góp vốn của tổ chức chủ trì và các tổ chức tham gia dự án).

+ Báo giá thiết bị, nguyên vật liệu chính cần mua sắm để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

- Số lượng hồ sơ: gồm một (01) bộ hồ sơ gốc (có dấu và chữ ký trực tiếp) trình bày và in trên khổ giấy A4, sử dụng phông chữ tiếng Việt của bộ mã ký tự Unicode theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6909:2001, cỡ chữ 14 và một (01) bản điện tử của hồ sơ ghi trên đĩa quang (dạng PDF, không đặt mật khẩu) được đóng gói trong túi hồ sơ có niêm phong và bên ngoài ghi rõ:

+ Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (tên, mã số của chương trình – nếu có);

+ Tên, địa chỉ của tổ chức đăng ký chủ trì và tổ chức tham gia phối hợp thực hiện (chỉ ghi danh sách tổ chức đã có xác nhận tham gia phối hợp);

+ Họ tên của cá nhân đăng ký chủ nhiệm và danh sách cá nhân tham gia chính thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

+ Danh mục tài liệu có trong hồ sơ.

**đ) Thời hạn giải quyết:** 60 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

Tổ chức khoa học và công nghệ, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ, cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Khoa học và Công nghệ.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Đạt hay không đạt.

**h) Lệ phí:** Không.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Đơn đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

- Thuyết minh đề tài; thuyết minh dự án; thuyết minh đề án;

- Tóm tắt hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

- Lý lịch khoa học của cá nhân thực hiện chính nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

- Giấy xác nhận phối hợp nghiên cứu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

**k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Khoa học và công nghệ năm 2013;

- Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ;

- Thông tư số 10/2014/TT-BKHCN ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

- Quyết định số 31/2015/QĐ-UBND ngày 06/10/2015 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

**TÊN TỔ CHỨC  
ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐĂNG KÝ<sup>3</sup>  
CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN CẤP TỈNH**

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ Cà Mau

Căn cứ thông báo của Sở Khoa học và Công nghệ về việc tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh năm 20..., chúng tôi:

a) .....

*(Tên, địa chỉ của tổ chức đăng ký làm cơ quan chủ trì nhiệm vụ KH&CN)*

b) .....

*(Họ và tên, học vị, chức vụ, địa chỉ cá nhân đăng ký chủ nhiệm)*

Đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN (đề tài hoặc dự án SXTN hoặc đề án...):

.....

Thuộc lĩnh vực KH&CN:

.....

Thuộc Chương trình KH&CN (nếu có):

.....

Mã số của Chương trình: .....

**Hồ sơ gồm có:**

1. Bản sao giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ;
2. Thuyết minh đề tài theo biểu B1-2a-TMĐTCN hoặc biểu B1-2b-TMĐTXH; dự án theo biểu B1-2c-TMDA; đề án theo biểu B1-2d-TMĐA
3. Tóm tắt hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức đăng ký chủ trì biểu B1-3-LLTC;

<sup>3</sup> Trình bày và in trên khổ giấy A4

4. Kết quả đánh giá hoạt động hàng năm của tổ chức khoa học và công nghệ (nếu đã có đánh giá);

5. Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký chủ nhiệm và.....<sup>2</sup> cá nhân đăng ký thực hiện chính biểu B1-4-LLCN;

6. Sơ yếu lý lịch khoa học của chuyên gia nước ngoài kèm theo giấy xác nhận về mức lương chuyên gia (nếu có thuê chuyên gia nước ngoài);

7. Văn bản xác nhận về sự đồng ý của các tổ chức đăng ký phối hợp nghiên cứu biểu B1-5-PHCN (nếu có);

8. Văn bản chứng minh năng lực về nhân lực khoa học công nghệ, trang thiết bị của đơn vị phối hợp và khả năng huy động vốn từ nguồn khác để thực hiện đề tài (nếu có đơn vị phối hợp, huy động vốn từ nguồn khác);

9. Các tài liệu khác (theo hướng dẫn tại Điều 5 của Thông tư để kê khai).

Chúng tôi xin cam đoan những nội dung và thông tin kê khai trong hồ sơ này là **đúng** sự thật.

....., ngày.....tháng.....năm 20...

**THỦ TRƯỞNG TỔ CHỨC**  
**ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN**  
(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)

---

<sup>2</sup> Ghi số người đăng ký *tham gia chính* thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

# THUYẾT MINH ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH<sup>1</sup>

## I. THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỀ TÀI

<b>1</b>	Tên đề tài	<b>1a</b>	Mã số (được cấp khi Hồ sơ trúng tuyển)
<b>2</b>	Thời gian thực hiện: ..... tháng (Từ tháng /20.. đến tháng /20...)	<b>3</b>	Cấp quản lý Quốc gia <input type="checkbox"/> Bộ <input type="checkbox"/> Tỉnh <input type="checkbox"/> Cơ sở <input type="checkbox"/>
<b>4</b>	Tổng kinh phí thực hiện: ..... triệu đồng, trong đó:		
	<b>Nguồn</b>	<b>Kinh phí (triệu đồng)</b>	
	- Từ Ngân sách sự nghiệp khoa học		
	- Từ nguồn tự có của tổ chức		
	- Từ nguồn khác		
<b>5</b>	Phương thức khoán chi:		
	<input type="checkbox"/> Khoán đến sản phẩm cuối cùng	<input type="checkbox"/> Khoán từng phần, trong đó:	
		- Kinh phí khoán: .....triệu đồng	
		- Kinh phí không khoán: .....triệu đồng	
<b>6</b>	<input type="checkbox"/> Thuộc Chương trình (Ghi rõ tên chương trình, nếu có), Mã số: <input type="checkbox"/> Thuộc dự án KH&CN <input type="checkbox"/> Độc lập <input type="checkbox"/> Khác		
<b>7</b>	Lĩnh vực khoa học		
	<input type="checkbox"/> Tự nhiên;	<input type="checkbox"/> Nông, lâm, ngư nghiệp;	
	<input type="checkbox"/> Kỹ thuật và công nghệ;	<input type="checkbox"/> Y dược.	

<sup>1</sup> Bản Thuyết minh đề tài này dùng cho hoạt động nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ thuộc 4 lĩnh vực khoa học nêu tại mục 7 của Thuyết minh. Thuyết minh được trình bày và in trên khổ A4

8	<b>Chủ nhiệm đề tài</b>
Họ và tên: ..... Ngày, tháng, năm sinh: ..... Giới tính: Nam <input type="checkbox"/> / Nữ: <input type="checkbox"/> Học hàm, học vị/ Trình độ chuyên môn: ..... Chức danh khoa học: ..... Chức vụ: ..... Điện thoại: ..... Tổ chức: ..... Nhà riêng: ..... Mobile: ..... Fax: ..... E-mail: ..... Tên tổ chức đang công tác: ..... Địa chỉ tổ chức: ..... ..... Địa chỉ nhà riêng: .....	
9	<b>Thư ký đề tài</b>
Họ và tên: ..... Ngày, tháng, năm sinh: ..... Nam/ Nữ: ..... Học hàm, học vị/ Trình độ chuyên môn: ..... Chức danh khoa học: ..... Chức vụ: ..... Điện thoại: ..... Tổ chức: ..... Nhà riêng: ..... Mobile: ..... Fax: ..... E-mail: ..... Tên tổ chức đang công tác: ..... Địa chỉ tổ chức: ..... ..... Địa chỉ nhà riêng: .....	
10	<b>Tổ chức chủ trì đề tài</b>
Tên tổ chức chủ trì đề tài: ..... Điện thoại: ..... Fax: ..... Website: ..... Địa chỉ: ..... Họ và tên thủ trưởng tổ chức: ..... Số tài khoản: ..... Kho bạc nhà nước/ Ngân hàng: ..... Tên cơ quan chủ quản đề tài: .....	
11	<b>Các tổ chức phối hợp chính thực hiện đề tài (nếu có)</b>
1. Tổ chức 1: ..... Tên cơ quan chủ quản ..... Điện thoại: ..... Fax: ..... Địa chỉ: ..... Họ và tên thủ trưởng tổ chức: .....	

Số tài khoản: .....  
 Ngân hàng: .....  
 2. Tổ chức 2 : .....  
 Tên cơ quan chủ quản .....  
 Điện thoại: ..... Fax: .....  
 Địa chỉ: .....  
 Họ và tên thủ trưởng tổ chức: .....  
 Số tài khoản: .....  
 Ngân hàng: .....

**12 Các cán bộ thực hiện đề tài**

(Ghi những người có đóng góp khoa học và chủ trì thực hiện những nội dung chính thuộc tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp tham gia thực hiện đề tài, không quá 10 người kể cả chủ nhiệm đề tài) Những thành viên tham gia khác lập danh sách theo mẫu này và gửi kèm theo hồ sơ khi đăng ký)

TT	Họ và tên, học hàm học vị	Tổ chức công tác	Nội dung, công việc chính tham gia	Thời gian làm việc cho đề tài (Số tháng quy đổi <sup>2</sup> )
1				
2				
3				
4				
5				
6				
7				
8				
9				
10				

**II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG KH&CN VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ TÀI**

**13 Mục tiêu của đề tài (Bám sát và cụ thể hoá định hướng mục tiêu theo đặt hàng)**

.....  
 .....  
 .....

**14 Tình trạng đề tài**

☐ Mới

☐ Kế tiếp hướng nghiên cứu của chính nhóm tác giả

☐ Kế tiếp nghiên cứu của người khác

<sup>2</sup> Một (01) tháng quy đổi là tháng làm việc gồm 22 ngày, mỗi ngày làm việc gồm 8 tiếng

15	<b>Tổng quan tình hình nghiên cứu, luận giải về mục tiêu và những nội dung nghiên cứu của đề tài</b>
	<p><b>15.1 Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề tài</b></p> <p>Ngoài nước (Phân tích đánh giá được những công trình nghiên cứu có liên quan và những kết quả nghiên cứu mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu của đề tài; nêu được những bước tiến về trình độ KH&amp;CN của những kết quả nghiên cứu đó)</p> <p>Trong nước (Phân tích, đánh giá tình hình nghiên cứu trong nước thuộc lĩnh vực nghiên cứu của đề tài, đặc biệt phải nêu cụ thể được những kết quả KH&amp;CN liên quan đến đề tài mà các cán bộ tham gia đề tài đã thực hiện. Nếu có các đề tài cùng bản chất đã và đang được thực hiện ở cấp khác, nơi khác thì phải giải trình rõ các nội dung kỹ thuật liên quan đến đề tài này; Nếu phát hiện có đề tài đang tiến hành mà đề tài này có thể phối hợp nghiên cứu được thì cần ghi rõ Tên đề tài, Tên Chủ nhiệm đề tài và cơ quan chủ trì đề tài đó)</p> <p><b>15.2 Luận giải về việc đặt ra mục tiêu và những nội dung cần nghiên cứu của đề tài</b></p> <p>(Trên cơ sở đánh giá tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước, phân tích những công trình nghiên cứu có liên quan, những kết quả mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu đề tài, đánh giá những khác biệt về trình độ KH&amp;CN trong nước và thế giới, những vấn đề đã được giải quyết, cần nêu rõ những vấn đề còn tồn tại, chỉ ra những hạn chế cụ thể, từ đó nêu được hướng giải quyết mới - luận giải và cụ thể hoá mục tiêu đặt ra của đề tài và những nội dung cần thực hiện trong đề tài để đạt được mục tiêu)</p>
16	<p><b>Liệt kê danh mục các công trình nghiên cứu, tài liệu có liên quan đến đề tài đã trích dẫn khi đánh giá tổng quan</b></p> <p>(Tên công trình, tác giả, nơi và năm công bố, chỉ nêu những danh mục đã được trích dẫn để luận giải cho sự cần thiết nghiên cứu đề tài)</p> <p>.....</p> <p>.....</p>
17	<b>Nội dung nghiên cứu khoa học và triển khai thực nghiệm của đề tài và phương án thực hiện</b>



(Liệt kê và mô tả chi tiết những nội dung nghiên cứu và triển khai thực nghiệm phù hợp cần thực hiện để giải quyết vấn đề đặt ra kèm theo các nhu cầu về nhân lực, tài chính và nguyên vật liệu trong đó chỉ rõ những nội dung mới, những nội dung kế thừa kết quả nghiên cứu của các đề tài trước đó; dự kiến những nội dung có tính rủi ro và giải pháp khắc phục – nếu có).

Nội dung 1: .....

.....

Nội dung 2: .....

.....

Nội dung 3: .....

.....

.....

#### **18 Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng**

(Luận cứ rõ cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu, thiết kế nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sẽ sử dụng gắn với từng nội dung chính của đề tài; so sánh với các phương pháp giải quyết tương tự khác và phân tích để làm rõ được tính mới, tính độc đáo, tính sáng tạo của đề tài)

**Cách tiếp cận:**

.....

**Phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng:**

.....

**Tính mới, tính độc đáo, tính sáng tạo:**

.....

#### **19 Phương án phối hợp với các tổ chức nghiên cứu và cơ sở sản xuất trong nước**

(Trình bày rõ phương án phối hợp: tên các tổ chức phối hợp chính tham gia thực hiện đề tài và nội dung công việc tham gia trong đề tài, kể cả các cơ sở sản xuất hoặc những người sử dụng kết quả nghiên cứu; khả năng đóng góp về nhân lực, tài chính, cơ sở hạ tầng – nếu có)

20	<b>Phương án hợp tác quốc tế (nếu có)</b>  (Trình bày rõ phương án phối hợp: tên đối tác nước ngoài; nội dung đã hợp tác - đối với đối tác đã có hợp tác từ trước; nội dung cần hợp tác trong khuôn khổ đề tài; hình thức thực hiện. Phân tích rõ lý do cần hợp tác và dự kiến kết quả hợp tác, tác động của hợp tác đối với kết quả của đề tài)				
21	<b>Tiến độ thực hiện</b>				
	<b>Các nội dung, công việc chủ yếu cần được thực hiện; các mốc đánh giá chủ yếu</b>	<b>Kết quả phải đạt</b>	<b>Thời gian (bắt đầu, kết thúc)</b>	<b>Cá nhân, tổ chức thực hiện*</b>	<b>Dự kiến kinh phí</b>
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	<b>Nội dung 1</b>				
	- Công việc 1				
	- Công việc 2				
2	<b>Nội dung 2</b>				
	- Công việc 1				
	- Công việc 2				

\* Chỉ ghi những cá nhân có tên tại Mục 12

### III. SẢN PHẨM KH&CN CỦA ĐỀ TÀI

22	Sản phẩm KH&CN chính của đề tài và yêu cầu chất lượng cần đạt (Liệt kê theo dạng sản phẩm)					
Dạng I: Mẫu (model, maket); Sản phẩm (là hàng hoá, có thể được tiêu thụ trên thị trường); Vật liệu; Thiết bị, máy móc; Dây chuyền công nghệ; Giống cây trồng; Giống vật nuôi và các loại khác;						
Số TT	Tên sản phẩm cụ thể và chỉ tiêu chất lượng chủ yếu của sản phẩm	Đơn vị đo	Mức chất lượng			Dự kiến số lượng/quy mô sản phẩm tạo ra
			Cần đạt	Mẫu tương tự (theo các tiêu chuẩn mới nhất)		
				Trong nước	Thế giới	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

**22.1 Mức chất lượng các sản phẩm (Dạng I) so với các sản phẩm tương tự trong nước và nước ngoài (Làm rõ cơ sở khoa học và thực tiễn để xác định các chỉ tiêu về chất lượng cần đạt của các sản phẩm của đề tài)**

**Dạng II:** Nguyên lý ứng dụng; Phương pháp; Tiêu chuẩn; Quy phạm; Phần mềm máy tính; Bản vẽ thiết kế; Quy trình công nghệ; Sơ đồ, bản đồ; Số liệu, Cơ sở dữ liệu; Báo cáo phân tích; Tài liệu dự báo (phương pháp, quy trình, mô hình,...); Đề án, qui hoạch; Luận chứng kinh tế - kỹ thuật, Báo cáo nghiên cứu khả thi và các sản phẩm khác

TT	Tên sản phẩm	Yêu cầu khoa học cần đạt	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)

**Dạng III:** Bài báo; Sách chuyên khảo và các sản phẩm khác

Số TT	Tên sản phẩm	Yêu cầu khoa học cần đạt	Dự kiến nơi công bố (Tạp chí, Nhà xuất bản)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)

**22.2 Trình độ khoa học của sản phẩm (Dạng II & III) so với các sản phẩm tương tự hiện có (Làm rõ cơ sở khoa học và thực tiễn để xác định các yêu cầu khoa học cần đạt của các sản phẩm của đề tài)**

**22.3 Kết quả tham gia đào tạo sau đại học**

TT	Cấp đào tạo	Số lượng	Chuyên ngành đào tạo	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	Thạc sĩ			
	Tiến sĩ			

**22.4 Sản phẩm dự kiến đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng:**

<p>.....</p> <p>.....</p>	
23	<p><b>Khả năng ứng dụng và phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu</b></p> <p><b>23.1 Khả năng về thị trường</b> (Nhu cầu thị trường trong và ngoài nước, nêu tên và nhu cầu khách hàng cụ thể nếu có; điều kiện cần thiết để có thể đưa sản phẩm ra thị trường?)</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p><b>23.2 Khả năng về ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào sản xuất kinh doanh</b> (Khả năng cạnh tranh về giá thành và chất lượng sản phẩm)</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p><b>23.3 Khả năng liên doanh liên kết với các doanh nghiệp trong quá trình nghiên cứu</b></p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>
<p><b>23.4 Mô tả phương thức chuyển giao</b></p> <p>(Chuyển giao công nghệ trọn gói, chuyển giao công nghệ có đào tạo, chuyển giao theo hình thức trả dần theo tỷ lệ % của doanh thu; liên kết với doanh nghiệp để sản xuất hoặc góp vốn với đơn vị phối hợp nghiên cứu hoặc với cơ sở sẽ áp dụng kết quả nghiên cứu theo tỷ lệ đã thỏa thuận để cùng triển khai sản xuất; tự thành lập doanh nghiệp trên cơ sở kết quả nghiên cứu tạo ra...)</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	
24	<p><b>Phạm vi và địa chỉ (dự kiến) ứng dụng các kết quả của đề tài</b></p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>
25	<p><b>Tác động và lợi ích mang lại của kết quả nghiên cứu</b></p> <p><b>25.1 Đối với lĩnh vực KH&amp;CN có liên quan</b></p> <p>(Nêu những dự kiến đóng góp vào các lĩnh vực khoa học công nghệ ở trong nước và quốc tế)</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>

**25.2 Đối với tổ chức chủ trì và các cơ sở ứng dụng kết quả nghiên cứu**

.....

.....

.....

**25.3 Đối với kinh tế - xã hội và môi trường**

(Nêu những tác động dự kiến của kết quả nghiên cứu đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và môi trường)

.....

.....

.....

**IV. NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI VÀ NGUỒN KINH PHÍ**

(Giải trình chi tiết trong phụ lục kèm theo)

Đơn vị tính: Triệu đồng

26 Kinh phí thực hiện đề tài phân theo các khoản chi							
	Nguồn kinh phí	Tổng số	Trong đó				
			Trả công lao động (khoa học, phổ thông)	Nguyên, vật liệu, năng lượng	Thiết bị, máy móc	Xây dựng, sửa chữa nhỏ	Chi khác
1	2	3	4	5	6	7	8
	<b>Tổng kinh phí</b>						
	<i>Trong đó:</i>						
1	Ngân sách SNKH:						
	- Năm thứ nhất*:						
	- Năm thứ hai*:						
	- Năm thứ ba*:						
2	Nguồn tự có của cơ quan						
3	Nguồn khác (vốn huy động, ...)						

(\*) Chi dự toán khi đề tài đã được phê duyệt

....., ngày..... tháng ..... năm 20....

....., ngày..... tháng ..... năm 20....

**Chủ nhiệm đề tài**  
(Họ và tên và chữ ký)

**Tổ chức chủ trì đề tài**  
(Họ và tên, chữ ký, đóng dấu)

....., ngày..... tháng ..... năm 20....

....., ngày..... tháng ..... năm 20....

**Sở KH&CN<sup>3</sup>**  
(Họ và tên, chữ ký, đóng dấu)

**Thủ trưởng**  
**Cơ quan chủ quản đề tài<sup>4</sup>**  
hoặc  
**Chủ nhiệm chương trình<sup>5</sup>**  
(Họ và tên, chữ ký, đóng dấu)

---

<sup>3,4,5</sup> Chỉ ký đóng dấu khi đề tài được phê duyệt

## DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐỀ TÀI

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung các khoản chi	Tổng số		Nguồn vốn									
		Kinh phí	Tỷ lệ (%)	Ngân sách SNKH								Tự có	Khác
				Tổng số	Trong đó, khoản chi theo quy định*	Năm thứ nhất	Trong đó, khoản chi theo quy định*	Năm thứ hai	Trong đó, khoản chi theo quy định*	Năm thứ ba	Trong đó, khoản chi theo quy định*		
1	2	3	4	5=(7+9+11)	6=(8+10+12)	7	8	9	10	11	12	13	14
1	Trà công lao động (khoa học, phổ thông)												
2	Nguyên, vật liệu, năng lượng												
3	Thiết bị, máy móc												
4	Xây dựng, sửa chữa nhỏ												
5	Chi khác												
	Tổng cộng												

\* Chỉ dự toán khi đề tài được phê duyệt (theo quy định hiện hành về cơ chế khoán kinh phí đối với các đề tài, dự án SXTN)

# GIẢI TRÌNH CÁC KHOẢN CHI

## Khoản 1. Công lao động (khoa học, phổ thông)

Đơn vị: Triệu đồng

Đơn vị: 1%

TT	Nội dung lao động Dự toán chi tiết theo thứ tự nội dung nghiên cứu nêu tại mục 17 của thuyết minh	Tổng số		Nguồn vốn								Tự có	Khác
		Mục chi	Tổng	Ngân sách SNKH									
				Tổng số	Trong đó, khoản chi theo quy định*	Năm thứ nhất	Trong đó, khoản chi theo quy định*	Năm thứ hai	Trong đó, khoản chi theo quy định *	Năm thứ ba	Trong đó, khoản chi theo quy định*		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	Nội dung 1												
	- Sản phẩm 1												
	- Sản phẩm 2												
2	Nội dung 2												
	- Sản phẩm 1												
	- Sản phẩm 2												
	Tổng cộng												

\* Chỉ dự toán khi đề tài được phê duyệt (theo quy định hiện hành về cơ chế khoán kinh phí đối với các đề tài, dự án SXTN)



**Khoản 2. Nguyên vật liệu, năng lượng**  
Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn									Tự có	Khác
						Ngân sách SNKH										
						Tổng số	Trong đó, khoản chi theo quy định*	Năm thứ nhất	Trong đó, khoản chi theo quy định*	Năm thứ hai	Trong đó, khoản chi theo quy định *	Năm thứ ba	Trong đó, khoản chi theo quy định*			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
1	Nguyên, vật liệu (Dự toán chi tiết theo thứ tự nội dung nghiên cứu nêu tại mục 17 của thuyết minh)															
2	Dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng															
3	Năng lượng, nhiên liệu															
	- Than															
	- Điện	kW/h														
	- Xăng, dầu															
	- Nhiên liệu khác															

4	Nước	m <sup>3</sup>												
5	Mua sách, tài liệu, số liệu													
Cộng:														

*\* Chỉ dự toán khi đề tài được phê duyệt (theo quy định hiện hành về cơ chế khoán kinh phí đối với các đề tài, dự án SXTN)*

### Khoản 3. Thiết bị, máy móc

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Mục chỉ	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn					
							Ngân sách SNKH				Tự có	Khác
							Tổng	Năm thứ nhất*	Năm thứ hai*	Năm thứ ba*		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
I	Thiết bị hiện có tham gia thực hiện đề tài <sup>1</sup>											
II	Thiết bị, công nghệ mua mới											
III	Khấu hao thiết bị <sup>2</sup>											
IV	Thuê thiết bị (ghi tên thiết bị, thời gian thuê)											
V	Vận chuyển lắp đặt											
Cộng:												

\* Chỉ dự toán khi đề tài được phê duyệt (theo quy định hiện hành về cơ chế khoán kinh phí đối với các đề tài, dự án SXTN)

<sup>1</sup> Chỉ ghi tên thiết bị và giá trị còn lại, không cộng vào tổng kinh phí của Khoản 3.

<sup>2</sup> Chỉ khai mục này khi cơ quan chủ trì là doanh nghiệp.

#### Khoản 4. Xây dựng, sửa chữa nhỏ

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Kinh phí	Nguồn vốn					
			Ngân sách SNKH				Tự có	Khác
			Tổng	Năm thứ nhất*	Năm thứ hai*	Năm thứ ba*		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Chi phí xây dựng ..... m <sup>2</sup> nhà xưởng, PTN							
2	Chi phí sửa chữa ..... m <sup>2</sup> nhà xưởng, PTN							
3	Chi phí lắp đặt hệ thống điện, nước							
4	Chi phí khác							
	<b>Cộng:</b>							

\* Chỉ dự toán khi đề tài được phê duyệt (theo quy định hiện hành về cơ chế khoán kinh phí đối với các đề tài, dự án SXTN)

**Khoản 5. Chi khác**
*Đơn vị: Triệu đồng*

TT	Nội dung	Tổng số		Nguồn vốn									Tự có	Khác
		Kinh phí	Tỷ lệ (%)	Ngân sách SNKH										
				Tổng số	Trong đó, khoản chi theo quy định*	Năm thứ nhất	Trong đó, khoản chi theo quy định*	Năm thứ hai	Trong đó, khoản chi theo quy định *	Năm thứ ba	Trong đó, khoản chi theo quy định*			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	
1	Công tác trong nước (địa điểm, thời gian, số lượt người)													
2	Hợp tác quốc tế													
a	Đoàn ra (nước đến, số người, số ngày, số lần,...)													
b	Đoàn vào (số người, số ngày, số lần...)													
3	Kinh phí quản lý (của cơ quan chủ trì)													
4	Chi phí đánh giá, kiểm tra nội bộ, nghiệm thu các cấp													
	- Chi phí kiểm tra nội bộ													

	- Chi phí nghiệm thu trung gian												
	- Chi phí nghiệm thu nội bộ												
	- Chi phí nghiệm thu ở cấp quản lý đề tài												
5	<b>Chi khác</b>												
	- Hội thảo												
	- Ấn loát tài liệu, văn phòng phẩm												
	- Dịch tài liệu												
	- Đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ												
	- Khác												
6	<b>Phụ cấp chủ nhiệm đề tài</b>												
	<b>Cộng:</b>												

\* Chỉ dự toán khi đề tài được phê duyệt (theo quy định hiện hành về cơ chế khoán kinh phí đối với các đề tài, dự án SXTN)

**THUYẾT MINH<sup>1</sup>**  
**ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC**  
**XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN CẤP TỈNH**

**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỀ TÀI**

<b>1</b>	<b>Tên đề tài:</b>	<b>1a) Mã số của đề tài:</b> <i>(được cấp khi hồ sơ trúng tuyển)</i>
<b>2</b>	<b>Loại đề tài:</b> - <input type="checkbox"/> Thuộc Chương trình (Ghi rõ tên chương trình), Mã số: - <input type="checkbox"/> Độc lập - <input type="checkbox"/> Khác	
<b>3</b>	<b>Thời gian thực hiện:</b> .....tháng (từ tháng /năm 20... đến tháng /năm 20...)	
<b>4</b>	<b>Kinh phí thực hiện:</b> Tổng kinh phí: ..... (triệu đồng), trong đó: - Từ ngân sách sự nghiệp khoa học: ... - Từ nguồn tự có của tổ chức - Từ nguồn khác: ...	
<b>5</b>	<b>Phương thức khoán chi:</b> <input type="checkbox"/> Khoán đến sản phẩm cuối cùng	<input type="checkbox"/> Khoán từng phần, trong đó: - Kinh phí khoán: ..... triệu đồng - Kinh phí không khoán: ..... triệu đồng
<b>6</b>	<b>Chủ nhiệm đề tài:</b>  Họ và tên: ..... Ngày, tháng, năm sinh: ..... Nam/ Nữ: ..... Học hàm, học vị: ..... Chức danh khoa học: ..... Chức vụ: ..... Điện thoại của tổ chức: ..... Nhà riêng: ..... Mobile: ..... Fax: ..... E-mail: ..... Tên tổ chức đang công tác: ..... Địa chỉ tổ chức: ..... Địa chỉ nhà riêng: .....	
<b>7</b>	<b>Thư ký đề tài:</b>  Họ và tên: .....	

<sup>1</sup> Thuyết minh được trình bày và in trên khổ A4

Ngày, tháng, năm sinh: ..... Nam/ Nữ: .....  
 Học hàm, học vị: .....  
 Chức danh khoa học: ..... Chức vụ: .....  
 Điện thoại của tổ chức: ..... Nhà riêng: ..... Mobile: .....  
 Fax: ..... E-mail: .....  
 Tên tổ chức đang công tác: .....  
 Địa chỉ tổ chức: .....  
 Địa chỉ nhà riêng: .....

**8 Tổ chức chủ trì đề tài<sup>2</sup>:**

Tên tổ chức chủ trì đề tài: .....  
 Điện thoại: ..... Fax: .....  
 E-mail: .....  
 Website: .....  
 Địa chỉ: .....  
 Họ và tên thủ trưởng tổ chức: .....  
 Số tài khoản: .....  
 Ngân hàng: .....  
 Cơ quan chủ quản đề tài: .....

**9 Các tổ chức phối hợp chính thực hiện đề tài: (nếu có)**

3. **Tổ chức 1 :** .....  
 Cơ quan chủ quản .....  
 Điện thoại: ..... Fax: .....  
 Địa chỉ: .....  
 Họ và tên thủ trưởng tổ chức: .....  
 Số tài khoản: .....  
 Ngân hàng: .....  
 4. **Tổ chức 2 :** .....  
 Cơ quan chủ quản .....  
 Điện thoại: ..... Fax: .....  
 Địa chỉ: .....  
 Họ và tên thủ trưởng tổ chức: .....  
 Số tài khoản: .....  
 Ngân hàng: .....

**10 Các cán bộ thực hiện đề tài:**

(Ghi những người có đóng góp khoa học và chủ trì thực hiện những nội dung chính thuộc tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp tham gia thực hiện đề tài, không quá 10 người kể cả chủ nhiệm đề tài) Những thành viên tham gia khác lập danh sách theo mẫu này và gửi kèm theo hồ sơ khi đăng ký)

	Họ và tên, học hàm học vị	Tổ chức công tác	Nội dung công việc tham gia	Thời gian làm việc cho đề tài (Số tháng quy đổi <sup>3</sup> )
1				

<sup>2</sup> Tổ chức chủ trì đăng ký chủ trì đề tài là tổ chức có tư cách pháp nhân, có chức năng hoạt động phù hợp với lĩnh vực chuyên môn của đề tài

<sup>3</sup> Một (01) tháng quy đổi là tháng làm việc gồm 22 ngày, mỗi ngày làm việc gồm 8 tiếng





14	<b>Liệt kê danh mục các công trình nghiên cứu, tài liệu trong nước và ngoài nước có liên quan đến đề tài đã trích dẫn khi đánh giá tổng quan:</b> <i>(Tên công trình, tác giả, nơi và năm công bố, chỉ nêu những danh mục đã được trích dẫn)</i>
15	<b>Nội dung nghiên cứu của đề tài:</b> <i>Xác định các nội dung nghiên cứu rõ ràng, có tính hệ thống, logic, phù hợp cần thực hiện để đạt mục tiêu đề ra; ghi rõ các chuyên đề nghiên cứu cần thực hiện trong từng nội dung)</i> Nội dung 1: ..... ..... ..... Nội dung 2: ..... ..... ..... Nội dung 3: ..... ..... .....
16	<b>Các hoạt động phục vụ nội dung nghiên cứu của đề tài:</b> <i>(Giải trình các hoạt động cần thiết dưới đây phục vụ cho nội dung nghiên cứu của đề tài)</i> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Suu tầm/dịch tài liệu phục vụ nghiên cứu (các tài liệu chính)</li> <li>- Hội thảo/toạ đàm khoa học (số lượng, chủ đề, mục đích, yêu cầu)</li> <li>- Khảo sát/điều tra thực tế trong nước (quy mô, địa bàn, mục đích/yêu cầu, nội dung, phương pháp)</li> <li>- Khảo sát nước ngoài (quy mô, mục đích/yêu cầu, đối tác, nội dung)</li> <li>- .....</li> </ul>
17	<b>Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng:</b> <i>(Luận cứ rõ cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật dự kiến sử dụng gắn với từng nội dung chính của đề tài; so sánh với các phương pháp giải quyết tương tự khác và phân tích để làm rõ được tính ưu việt của phương pháp sử dụng)</i> <b>Cách tiếp cận:</b> ..... .....

**Phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng:**

**18 Phương án phối hợp với các tổ chức nghiên cứu trong nước:**

(Trình bày rõ phương án phối hợp: tên các tổ chức phối hợp chính tham gia thực hiện đề tài (kể cả tổ chức sử dụng kết quả nghiên cứu) và nội dung công việc tham gia trong đề tài; khả năng đóng góp về nhân lực, tài chính - nếu có)

**19 Phương án hợp tác quốc tế: (nếu có)**

(Trình bày rõ phương án phối hợp: tên đối tác nước ngoài; nội dung đã hợp tác- đối với đối tác đã có hợp tác từ trước; nội dung cần hợp tác trong khuôn khổ đề tài; hình thức thực hiện. Phân tích rõ lý do cần hợp tác và dự kiến kết quả hợp tác, tác động của hợp tác đối với kết quả của đề tài)

**20 Kế hoạch thực hiện:**

	Các nội dung, công việc chủ yếu cần được thực hiện; các mốc đánh giá chủ yếu	Kết quả phải đạt	Thời gian (bắt đầu, kết thúc)	Cá nhân, tổ chức thực hiện*	Dự kiến kinh phí
1	<b>Nội dung 1</b>				
	- Công việc 1				
	- Công việc 2				
	.....				
2	<b>Nội dung 2</b>				
	- Công việc 1				
	- Công việc 2				
	.....				

\* Chỉ ghi những cá nhân có tên tại Mục 10

### III. SẢN PHẨM CỦA ĐỀ TÀI

**21 Sản phẩm chính của đề tài và yêu cầu chất lượng cần đạt: (Liệt kê theo dạng sản phẩm)**

**21.1 Dạng I:** Báo cáo khoa học (báo cáo chuyên đề, báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu, báo cáo kiến nghị); kết quả dự báo; mô hình; quy trình; phương pháp nghiên cứu mới; sơ đồ, bản đồ; số liệu, cơ sở dữ liệu và các sản phẩm khác..

TT	Tên sản phẩm (Ghi rõ tên từng sản phẩm)	Yêu cầu khoa học cần đạt	Ghi chú

**21.2 Dạng II: Bài báo; Sách chuyên khảo; và các sản phẩm khác**

TT	Tên sản phẩm (Ghi rõ tên từng sản phẩm)	Yêu cầu khoa học cần đạt	Dự kiến nơi công bố (Tạp chí, Nhà xuất bản)	Ghi chú

**22 Lợi ích của đề tài và phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu:**

**22.1 Lợi ích của đề tài:**

a) Tác động đến xã hội (đóng góp cho việc xây dựng chủ trương, chính sách, pháp luật hoặc có tác động làm chuyển biến nhận thức của xã hội) và tác động đối với ngành, lĩnh vực khoa học (đóng góp mới, mở ra hướng nghiên cứu mới thông qua các công trình công bố ở trong và ngoài nước)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

b) Nâng cao năng lực nghiên cứu của tổ chức, cá nhân thông qua tham gia thực hiện đề tài, đào tạo trên đại học (số người được đào tạo thạc sĩ - tiến sĩ, chuyên ngành đào tạo)

.....

.....

.....

.....

.....

**22.2 Phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu:**

(Nêu rõ tên kết quả nghiên cứu; cơ quan/tổ chức ứng dụng; luận giải nhu cầu của cơ quan/tổ chức ứng dụng; tính khả thi của phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu)

**IV. NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI VÀ NGUỒN KINH PHÍ**

(Giải trình chi tiết trong phụ lục kèm theo)

Đơn vị tính: triệu đồng

23 Kinh phí thực hiện đề tài phân theo các khoản chi:							
	Nguồn kinh phí	Tổng số	Trong đó				
			Trả công lao động (khoa học, phổ thông)	Nguyên, vật liệu, năng lượng	Thiết bị, máy móc	Xây dựng, sửa chữa nhỏ	Chi khác
1	<b>Tổng kinh phí</b> Trong đó: Ngân sách SNKH: - Năm thứ nhất*: - Năm thứ hai*: .....						
2	Nguồn khác (vốn huy động, ...)						

(\*) Chi dự toán khi đề tài đã được phê duyệt

Ngày.....tháng ..... năm 20...

**Chủ nhiệm đề tài**  
(Họ tên và chữ ký)

Ngày.....tháng ..... năm 20...

**Tổ chức chủ trì đề tài**  
(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)

Ngày.....tháng ..... năm 20...

**Sở KH&CN<sup>4</sup>**

(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)

Ngày.....tháng ..... năm 20...

**Thủ trưởng**

**Cơ quan chủ quản đề tài<sup>5</sup>**

(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)

hoặc

**Đại diện Ban Chủ nhiệm Chương trình<sup>6</sup>**

(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)

---

<sup>4,5,6</sup> Chỉ ký tên, đóng dấu khi Đề tài được phê duyệt

## DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐỀ TÀI

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung các khoản chi	Tổng số		Nguồn vốn								
		Kinh phí	Tỷ lệ (%)	Ngân sách SNKH								Khác
				Tổng số	Trong đó, khoản chi theo quy định*	Năm thứ nhất	Trong đó, khoản chi theo quy định*	Năm thứ hai	Trong đó, khoản chi theo quy định *	Năm thứ ba	Trong đó, khoản chi theo quy định*	
1	2	3	4	5=(7+9+11)	6=(8+10+12)	7	8	9	10	11	12	13
1	Trả công lao động (khoa học, phổ thông) gồm: Nội dung 1 Nội dung 2 Nội dung 3...											
2	Nguyên,vật liệu, năng lượng											
3	Thiết bị, máy móc											
4	Xây dựng, sửa chữa nhà											
5	Chi khác Trong đó: - Công tác trong nước (địa điểm, thời gian) - Hợp tác quốc tế (nước, số người)											

TT	Nội dung các khoản chi	Tổng số		Nguồn vốn								
		Kinh phí	Tỷ lệ (%)	Ngân sách SNKH								Khác
				Tổng số	Trong đó, khoản chi theo quy định*	Năm thứ nhất	Trong đó, khoản chi theo quy định*	Năm thứ hai	Trong đó, khoản chi theo quy định*	Năm thứ ba	Trong đó, khoản chi theo quy định*	
	<b>Tổng cộng:</b>											

\* Chỉ dự toán khi đề tài được phê duyệt (theo quy định hiện hành về cơ chế khoán kinh phí đối với các đề tài, dự án SXTN)



# GIẢI TRÌNH CÁC KHOẢN CHI

## Khoản 1. Công lao động (khoa học, phổ thông)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung lao động <i>Dự toán chi tiết theo thứ tự nội dung nghiên cứu nêu tại mục 15 của thuyết minh</i>	Tổng số		Nguồn vốn								Khác
		Mục chỉ	Ngân sách SNKH	Ngân sách SNKH								
				Tổng số	Trong đó, khoản chi theo quy định*	Năm thứ nhất	Trong đó, khoản chi theo quy định*	Năm thứ hai	Trong đó, khoản chi theo quy định *	Năm thứ ba	Trong đó, khoản chi theo quy định*	
1	2	3	4	5=(7+9+11)	6=(8+10+12)	7	8	9	10	11	12	13
1	Nội dung 1											
	- Sản phẩm 1											
	- Sản phẩm 2											
2	Nội dung 2											
	- Sản phẩm ....											
	Tổng cộng:											

\* Chi dự toán khi đề tài được phê duyệt (theo quy định hiện hành về cơ chế khoán kinh phí đối với các đề tài, dự án SXTN)

## Khoản 2. Nguyên vật liệu, năng lượng

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn									Khác
						Ngân sách SNKH									
						Tổng số	Trong đó, khoản chi theo quy định*	Năm thứ nhất	Trong đó, khoản chi theo quy định*	Năm thứ hai	Trong đó, khoản chi theo quy định*	Năm thứ ba	Trong đó, khoản chi theo quy định*		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
1	Nguyên, vật liệu (Dự toán chi tiết theo thứ tự nội dung nghiên cứu nêu tại thuyết minh)														
2	Năng lượng, nhiên liệu														
3	Mua sách, tài liệu, số liệu														
Cộng:															

\* Chỉ dự toán khi đề tài được phê duyệt (theo quy định hiện hành về cơ chế khoán kinh phí đối với các đề tài, dự án SXTN)

### Khoản 3. Thiết bị, máy móc

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Mục chi	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn				Khác
							Ngân sách SNKH				
							Tổng	Năm thứ nhất*	Năm thứ hai *	Năm thứ ba *	
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Thiết bị hiện có tham gia thực hiện đề tài (chỉ ghi tên thiết bị và giá trị còn lại, không cộng vào tổng kinh phí của Khoản 3)										
2	Thiết bị mua mới										
3	Thuê thiết bị (ghi tên thiết bị, thời gian thuê)										
Cộng:											

\* Chỉ dự toán khi đề tài được phê duyệt (theo quy định hiện hành về cơ chế khoán kinh phí đối với các đề tài, dự án SXTN)

#### Khoản 4. Xây dựng, sửa chữa nhỏ

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Kinh phí	Nguồn vốn				
			Ngân sách SNKH				Khác
			Tổng	Năm thứ nhất*	Năm thứ hai*	Năm thứ ba *	
1	2	3	4	5	6	7	8
1							
2							
3							
4							
	<b>Cộng:</b>						

\* Chỉ dự toán khi đề tài được phê duyệt (theo quy định hiện hành về cơ chế khoán kinh phí đối với các đề tài, dự án SXTN)

**Khoản 5. Chi khác**

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Tổng số		Nguồn vốn								Khác
		Mục chi	Tổng	Ngân sách SNKH								
				Tổng số	Trong đó, khoản chi theo quy định*	Năm thứ nhất	Trong đó, khoản chi theo quy định*	Năm thứ hai	Trong đó, khoản chi theo quy định*	Năm thứ ba	Trong đó, khoản chi theo quy định*	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	Công tác trong nước (địa điểm, thời gian, số lượt người)											
2	Hợp tác quốc tế											
a	Đoàn ra (nước đến, số người, số ngày, số lần)											
b	Đoàn vào (số người, số ngày, số lần...)											
3	Kinh phí quản lý (của cơ quan chủ trì)											
4	Chi phí đánh giá, kiểm tra nội bộ, nghiệm thu các cấp											
	- Chi phí kiểm tra nội bộ											
	- Chi nghiệm thu trung gian											
	- Chi phí nghiệm thu nội bộ											
	- Chi phí nghiệm thu ở cấp quản lý đề tài											
5	Chi khác											
	- Hội thảo											
	- Ấn loát tài liệu, văn phòng phẩm											
	- Dịch tài liệu											

	- Đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ											
	- Khác											
6	Phụ cấp chủ nhiệm đề tài											
7	.....											
	Cộng:											

\* Chỉ dự toán khi đề tài được phê duyệt (theo quy định hiện hành về cơ chế khoán kinh phí đối với các đề tài, dự án SXTN)



Họ và tên:.....

Năm sinh: ..... Giới tính: Nam ☐ / Nữ ☐

Học hàm, học vị / Trình độ chuyên môn: .....

Chức danh khoa học: .....

Chức vụ: .....

Điện thoại: Tổ chức: ..... Nhà riêng: ..... Mobile: .....

Fax: ..... E-mail: .....

Tên tổ chức đang công tác: .....

Địa chỉ tổ chức: .....

Địa chỉ nhà riêng: .....

**9 Tổ chức chủ trì thực hiện dự án**

Tên tổ chức chủ trì dự án: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

E-mail: .....

Website: .....

Địa chỉ: .....

Họ và tên thủ trưởng tổ chức: .....

Số tài khoản: .....

Kho bạc Nhà nước/Ngân hàng: .....

Tên cơ quan chủ quản dự án: .....

**10 Tổ chức tham gia chính**

**10.1. Tổ chức chịu trách nhiệm về công nghệ**

Tên tổ chức chịu trách nhiệm về công nghệ: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

E-mail: ..... Website: .....

Địa chỉ: .....

Họ và tên thủ trưởng tổ chức: .....

Người chịu trách nhiệm chính về công nghệ của dự án: .....

**10.2. Tổ chức khác**

Tên tổ chức: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

E-mail: ..... Website: .....

Địa chỉ: .....

Họ và tên thủ trưởng tổ chức: .....

**11 Cán bộ thực hiện Dự án**

(Ghi những người dự kiến đóng góp khoa học chính thuộc tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp tham gia thực hiện dự án, không quá 10 người kể cả chủ nhiệm Dự án - mỗi người có tên trong danh sách này cần khai báo lý lịch khoa học theo Biểu B1-4-LLCN. Những thành viên tham gia khác lập danh sách theo mẫu này và gửi kèm theo hồ sơ khi đăng ký)



TT	Họ và tên	Tổ chức công tác	Nội dung công việc tham gia	Thời gian làm việc cho dự án (Số tháng quy đổi <sup>2</sup> )
1				
2				
3				
4				
5				
6				
7				
8				
9				
10				

## 12 Xuất xứ

[Ghi rõ xuất xứ của dự án từ một trong các nguồn sau:

- Từ kết quả của đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (R&D) đã được Hội đồng khoa học và công nghệ các cấp đánh giá, nghiệm thu và kiến nghị (tên đề tài, thuộc Chương trình khoa học và công nghệ cấp Nhà nước (nếu có), mã số, ngày tháng năm đánh giá nghiệm thu; kèm theo Biên bản đánh giá nghiệm thu/ Quyết định công nhận kết quả đánh giá nghiệm thu của cấp có thẩm quyền);

- Từ sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm khoa học được giải thưởng khoa học và công nghệ (tên văn bằng, chứng chỉ, ngày cấp);

- Kết quả khoa học công nghệ từ nước ngoài (hợp đồng chuyển giao công nghệ; tên văn bằng, chứng chỉ, ngày cấp nếu có; nguồn gốc, xuất xứ, hồ sơ liên quan);

- Sản phẩm khoa học và công nghệ khác.]

## 13 Luận cứ về sự cần thiết, tính khả thi và hiệu quả của dự án

**13.1. Làm rõ về công nghệ lựa chọn của dự án** (Tính mới, ưu việt, tiên tiến của công nghệ; trình độ công nghệ so với công nghệ hiện có ở Việt Nam, khả năng triển khai công nghệ trong nước, tính phù hợp của công nghệ đối với phương án sản xuất và yêu cầu của thị trường,...).

**13.2. Lợi ích kinh tế, khả năng thị trường và cạnh tranh của sản phẩm dự án** (Hiệu quả kinh tế mang lại khi áp dụng kết quả của dự án; khả năng mở rộng thị trường ở trong nước và xuất khẩu; nêu rõ các yếu tố chủ yếu làm tăng khả năng cạnh tranh về chất lượng, giá thành của sản phẩm dự án so với các sản phẩm cùng loại, chẳng hạn: sử dụng nguồn nguyên liệu trong nước, giá nhân công rẻ, phí vận chuyển thấp, tính ưu việt của công nghệ...).

<sup>2</sup> Một (01) tháng quy đổi là tháng gồm 22 ngày làm việc x 8 tiếng

13.3. Tác động của kết quả dự án đến kinh tế-xã hội, an ninh, quốc phòng (Tác động của sản phẩm dự án đến phát triển KT-XH, môi trường, khả năng tạo thêm việc làm, ngành nghề mới, ảnh hưởng đến sức khỏe con người, đảm bảo an ninh, quốc phòng...).

13.4. Năng lực thực hiện dự án (Mức độ cam kết và năng lực thực hiện của các tổ chức tham gia chính trong dự án: năng lực khoa học, công nghệ của người thực hiện và cơ sở vật chất-kỹ thuật, các cam kết bằng hợp đồng về mức đóng góp vốn, sử dụng cơ sở vật chất kỹ thuật, lao động, bao tiêu sản phẩm, phân chia lợi ích về khai thác quyền sở hữu trí tuệ, chia sẻ rủi ro).

13.5. Khả năng ứng dụng, chuyển giao, nhân rộng kết quả của dự án (Nêu rõ phương án về tổ chức sản xuất; nhân rộng, chuyển giao công nghệ; thành lập doanh nghiệp mới để sản xuất-kinh doanh,...).

## II) Mục tiêu, nội dung và phương án triển khai Dự án

### 14 Mục tiêu

14.1 Mục tiêu của dự án sản xuất<sup>3</sup> hoặc chuyển giao công nghệ đặt ra (Chất lượng sản phẩm; quy mô sản xuất);

14.2 Mục tiêu của dự án sản xuất thử nghiệm (Trình độ công nghệ, quy mô sản phẩm)

<sup>3</sup> Dự án sản xuất là phương án triển khai sau khi Dự án sản xuất thử nghiệm kết thúc.

## 15 Nội dung

**15.1 Mô tả công nghệ, sơ đồ hoặc quy trình công nghệ (là xuất xứ của dự án) để triển khai trong dự án**

**15.2 Phân tích những vấn đề mà dự án cần giải quyết về công nghệ (Hiện trạng của công nghệ và việc hoàn thiện, thử nghiệm tạo ra công nghệ mới; nắm vững, làm chủ quy trình công nghệ và các thông số kỹ thuật; ổn định chất lượng sản phẩm, chủng loại sản phẩm; nâng cao khối lượng sản phẩm cần sản xuất thử nghiệm để khẳng định công nghệ và quy mô của dự án sản xuất thử nghiệm);**

**15.3 Liệt kê và mô tả nội dung, các bước công việc cần thực hiện để giải quyết những vấn đề đặt ra, kể cả đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công nhân kỹ thuật đáp ứng cho việc thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm.**

## 16 Phương án triển khai

**16.1. Phương án tổ chức sản xuất thử nghiệm:**

**a) Phương thức tổ chức thực hiện:**

(- Đối với đơn vị chủ trì là doanh nghiệp: cần làm rõ năng lực triển khai thực nghiệm và hoàn thiện công nghệ theo mục tiêu trong dự án; phương án liên doanh, phối hợp với các tổ chức KH&CN trong việc phát triển, hoàn thiện công nghệ;

- Đối với đơn vị chủ trì là tổ chức khoa học và công nghệ: cần làm rõ năng lực triển khai thực nghiệm và hoàn thiện công nghệ theo mục tiêu trong dự án; việc liên doanh với doanh nghiệp để tổ chức sản xuất thử nghiệm (kế hoạch/phương án của doanh nghiệp về bố trí địa điểm, điều kiện cơ sở vật chất, đóng góp về vốn, về nhân lực, về khả năng tiêu thụ sản phẩm của dự án phục vụ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phương thức phân chia lợi nhuận,...)

*b) Mô tả, phân tích và đánh giá các điều kiện triển khai dự án:*

- Địa điểm thực hiện dự án (nêu địa chỉ cụ thể, nêu thuận lợi và hạn chế về cơ sở hạ tầng như giao thông, liên lạc, điện nước..... của địa bàn triển khai dự án); nhà xưởng, mặt bằng hiện có (m<sup>2</sup>), dự kiến cải tạo, mở rộng.....;

- Trang thiết bị chủ yếu đảm bảo cho triển khai dự án sản xuất thử nghiệm (làm rõ những trang thiết bị đã có, bao gồm cả liên doanh với các đơn vị tham gia, trang thiết bị cần thuê, mua hoặc tự thiết kế chế tạo; khả năng cung ứng trang thiết bị của thị trường cho dự án;.....);

- Nguyên vật liệu (khả năng cung ứng nguyên vật liệu chủ yếu cho quá trình sản xuất thử nghiệm, làm rõ những nguyên vật liệu cần nhập của nước ngoài;.....);

- Nhân lực cần cho triển khai dự án: số cán bộ khoa học công nghệ và công nhân lành nghề tham gia thực hiện dự án; kế hoạch tổ chức nhân lực tham gia dự án; nhu cầu đào tạo phục vụ dự án (số lượng cán bộ, kỹ thuật viên, công nhân).

- Môi trường (đánh giá tác động môi trường do việc triển khai dự án và giải pháp khắc phục);

**16.2. Phương án tài chính (Phân tích và tính toán tài chính của quá trình thực hiện dự án)**

trên cơ sở:

- Tổng vốn đầu tư để triển khai dự án, trong đó nêu rõ vốn cố định, vốn lưu động cho một khối lượng sản phẩm cần thiết trong một chu kỳ sản xuất thử nghiệm để có thể tiêu thụ và tái sản xuất cho đợt sản xuất thử nghiệm tiếp theo (trong trường hợp cần thiết);

- Phương án huy động và sử dụng các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước tham gia dự án (kèm theo các văn bản pháp lý minh chứng cho việc huy động các nguồn vốn: báo cáo tài chính của doanh nghiệp trong 2-3 năm gần nhất; cam kết cho vay vốn hoặc bảo lãnh vay vốn của ngân hàng; cam kết pháp lý về việc đóng góp vốn của các tổ chức tham gia dự án,...);

- Phương án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước (các nội dung chi bằng nguồn vốn này).

- Tính toán, phân tích giá thành sản phẩm của dự án (theo từng loại sản phẩm của dự án nếu có); thời gian thu hồi vốn.

*Các số liệu cụ thể của phương án tài chính được trình bày tại các bảng 1 đến bảng 5 và các phụ lục 1 đến phụ lục 7)*

**16.3. Dự báo nhu cầu thị trường và phương án kinh doanh sản phẩm của dự án (Giải trình**

*và làm rõ thêm các bảng tính toán và phụ lục kèm theo bảng 3-5, phụ lục 9);*

- Dự báo nhu cầu thị trường (dự báo nhu cầu chung và thống kê danh mục các đơn đặt hàng

hoặc hợp đồng mua sản phẩm dự án);

- Phương án tiếp thị sản phẩm của dự án (tuyên truyền, quảng cáo, xây dựng trang web, tham gia hội chợ triển lãm, trình diễn công nghệ, tờ rơi,...);

- Phân tích giá thành, giá bán dự kiến của sản phẩm trong thời gian sản xuất thử nghiệm; giá bán khi ổn định sản xuất (so sánh với giá sản phẩm nhập khẩu, giá thị trường trong nước hiện tại; dự báo xu thế giá sản phẩm cho những năm tới); các phương thức hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm dự án;

- Phương án tổ chức mạng lưới phân phối sản phẩm khi phát triển sản xuất quy mô công nghiệp.

## 17 Sản phẩm của dự án

[Phân tích, làm rõ các thông số và so sánh với các sản phẩm cùng loại trong nước và của nước ngoài: (i) Dây chuyền công nghệ, các thiết bị, quy trình công nghệ đã được ổn định (quy mô, các thông số và tiêu chuẩn kỹ thuật); (ii) Sản phẩm đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng; (iii) Ấn phẩm; (iv) Đào tạo cán bộ; (v) Sản phẩm sản xuất thử nghiệm (chủng loại, khối lượng, tiêu chuẩn chất lượng)].

## 18 Phương án phát triển của dự án sau khi kết thúc

**18.1. Phương thức triển khai** [Mô tả rõ phương án triển khai lựa chọn trong các loại hình sau đây: (i) Đưa vào sản xuất công nghiệp của doanh nghiệp; (ii) Nhân rộng, chuyển giao kết quả của dự án; (iii) Liên doanh, liên kết; (iv) Thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ mới để tiến hành sản xuất- kinh doanh; (v) Hình thức khác: Nêu rõ].

### 18.2. Quy mô sản xuất (Công nghệ, nhân lực, sản phẩm,...)

### 18.3. Tổng số vốn của dự án sản xuất.

## III) Phân tích tài chính của dự án sản xuất thử nghiệm

Tổng kinh phí cần thiết để triển khai dự án sản xuất thử nghiệm = Vốn cố định của dự án sản xuất + Kinh phí hỗ trợ công nghệ + vốn lưu động)

\* **Vốn cố định của dự án sản xuất gồm:** (i)Thiết bị, máy móc đã có (giá trị còn lại); (ii)Thiết bị, máy móc mua mới; (iii)Nhà xưởng đã có (giá trị còn lại); (iv)Nhà xưởng xây mới hoặc cải tạo.

\* **Vốn lưu động:** chỉ tính chi phí để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất cho đợt sản xuất thử nghiệm tiếp theo.

\* **Kinh phí hỗ trợ công nghệ:** chi phí hoàn thiện, ổn định các thông số kinh tế-kỹ thuật.

**Bảng 1. Tổng kinh phí đầu tư cần thiết để triển khai dự án**

Đơn vị: triệu đồng

	Nguồn vốn	Tổng cộng	Trong đó						
			Vốn cố định		Kinh phí hỗ trợ công nghệ	Vốn lưu động			
			Thiết bị, máy móc mua mới	Nhà xưởng xây dựng mới và cải tạo		Chi phí lao động	Nguyên vật liệu, năng lượng	Thuê thiết bị, nhà xưởng	Khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	<b>Ngân sách SNKH:</b> - Năm thứ nhất: - Năm thứ hai: - Năm thứ ba:								
2	<b>Các nguồn vốn khác</b> 2.1 Vốn tự có của cơ sở: - Năm thứ nhất: - Năm thứ hai: - Năm thứ ba: 2.2 Khác (vốn								

huy động, ...)								
- Năm thứ nhất:								
- Năm thứ hai:								
- Năm thứ ba:								
<b>Cộng</b>								

**Bảng 2. Tổng chi phí và giá thành sản phẩm**  
(Trong thời gian thực hiện Dự án)

	Nội dung	Tổng số chi phí (1.000 đ)	Trong đó theo sản phẩm			Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7
<b>A</b>	<b>Chi phí trực tiếp</b>					
1	Nguyên vật liệu, bao bì					Phụ lục 1
2	Điện, nước, xăng dầu					Phụ lục 2
3	Chi phí lao động					Phụ lục 6
4	Sửa chữa, bảo trì thiết bị					Phụ lục 7
5	Chi phí quản lý					Phụ lục 7
<b>B</b>	<b>Chi phí gián tiếp và khấu hao tài sản cố định</b>					
6	Khấu hao thiết bị cho dự án - Khấu hao thiết bị cũ - Khấu hao thiết bị mới					Phụ lục 3
7	Khấu hao nhà xưởng cho dự án - Khấu hao nhà xưởng cũ - Khấu hao nhà xưởng mới					Phụ lục 5
8	Thuê thiết bị					Phụ lục 3
9	Thuê nhà xưởng					Phụ lục 5
10	Phân bổ chi phí hỗ trợ công nghệ					Phụ lục 4
11	Tiếp thị, quảng cáo					Phụ lục 7
12	Khác (trả lãi vay, các loại phí,...)					Phụ lục 7
- Tổng chi phí sản xuất thử nghiệm (A+B):						
- Giá thành 1 đơn vị sản phẩm:						

**Ghi chú:** - *Khấu hao thiết bị và tài sản cố định:* tính theo quy định của Nhà nước đối với từng loại thiết bị của từng ngành kinh tế tương ứng.

- *Chi phí hỗ trợ công nghệ:* được phân bổ cho thời gian thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm và 01 năm đầu sản xuất ổn định (tối đa không quá 3 năm).

**Bảng 3. Tổng doanh thu**  
(Cho thời gian thực hiện dự án)

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị	Số lượng	Giá bán dự kiến (1.000 đ)	Thành tiền (1.000 đ)
1	2	3	4	5	6
<b>Cộng:</b>					



**Bảng 4. Tổng doanh thu**  
(Cho 1 năm đạt 100% công suất)

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (1.000 đ)	Thành tiền (1.000 đ)
1	2	3	4	5	6
<b>Cộng:</b>					

**Bảng 5. Tính toán hiệu quả kinh tế dự án** (cho 1 năm đạt 100% công suất)

TT	Nội dung	Thành tiền (1.000 đ)
1	2	3
1	Tổng vốn đầu tư cho Dự án	
2	Tổng chi phí, trong một năm	
3	Tổng doanh thu, trong một năm	
4	Lãi gộp (3) - (2)	
5	Lãi ròng : (4) - (thuế + lãi vay+ các loại phí)	
6	Khấu hao thiết bị, XDCB và chi phí hỗ trợ công nghệ trong 1 năm	
7	Thời gian thu hồi vốn T (năm, ước tính)	
8	Tỷ lệ lãi ròng so với vốn đầu tư, % (ước tính)	
9	Tỷ lệ lãi ròng so với tổng doanh thu, % (ước tính)	

**Chú thích:**

- Tổng vốn đầu tư bao gồm: tổng giá trị còn lại của thiết bị, máy móc và nhà xưởng đã có + tổng giá trị của thiết bị, máy móc mua mới và nhà xưởng bổ sung mới (kể cả cải tạo) + chi phí hỗ trợ công nghệ;
- Thuế: gồm thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng và các loại thuế khác nếu có, trong 1 năm;
- Lãi vay: là các khoản lãi vay phải trả trong 1 năm)

$$\text{Thời gian thu hồi vốn } T = \frac{\text{Tổng vốn đầu tư}}{\text{Lãi ròng} + \text{Khấu hao}} = \text{..... năm}$$

$$\text{Tỷ lệ lãi ròng so với vốn đầu tư} = \frac{\text{Lãi ròng}}{\text{Tổng vốn đầu tư}} \times 100 = \text{.....} \times 100 = \text{.....\%};$$

$$\text{Tỷ lệ lãi ròng so với tổng doanh thu} = \frac{\text{Lãi ròng}}{\text{Tổng doanh thu}} \times 100 = \text{.....} \times 100 = \text{.....\%};$$

(Tiết kiệm nguyên nhiên vật liệu, năng lượng, giảm giá thành và tăng sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hoá, giảm nhập khẩu, tạo công ăn việc làm, bảo vệ môi trường....)

#### IV. Kết luận và kiến nghị

....., ngày..... tháng ..... năm 20....

**Chủ nhiệm dự án**  
(Họ, tên và chữ ký)

....., ngày..... tháng ..... năm 20....

**Tổ chức chủ trì dự án**  
(Họ, tên, chữ ký, đóng dấu)

....., ngày..... tháng ..... năm 20....

**Sở KH&CN<sup>4</sup>**  
(Họ, tên, chữ ký, đóng dấu)

....., ngày..... tháng ..... năm 20....

**Thủ trưởng**  
**Cơ quan chủ quản dự án<sup>5</sup>**  
hoặc  
**Chủ nhiệm chương trình<sup>6</sup>**  
(Họ, tên, chữ ký, đóng dấu)

<sup>4,5,6</sup> Chỉ ký tên, đóng dấu khi đề tài được phê duyệt.

## Dự toán kinh phí dự án

(Theo nội dung chi)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung các khoản chi	Tổng số		Nguồn vốn									
		Kinh phí	Tỷ lệ (%)	Ngân sách SNKH								Tự có	Khác
				Tổng số	Trong đó, khoản chi theo quy định *	Năm thứ nhất	Trong đó, khoản chi theo quy định *	Năm thứ hai	Trong đó, khoản chi theo quy định *	Năm thứ ba	Trong đó, khoản chi theo quy định *		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	Thiết bị, máy móc mua mới												
2	Nhà xưởng xây dựng mới và cải tạo												
3	Kinh phí hỗ trợ công nghệ												
4	Chi phí lao động												
5	Nguyên vật liệu năng lượng												
6	Thuê thiết bị, nhà xưởng												
7	Chi khác												
	Tổng cộng												

\* Chỉ dự toán khi đề tài được phê duyệt

## Phụ lục 1-TMDA

### Nhu cầu nguyên vật liệu

(Để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất đợt tiếp theo)

Đơn vị: Triệu đồng

[illegible]

\* Chỉ dự toán khi được phê duyệt (theo quy định hiện hành về cơ chế khoán kinh phí đối với các đề tài, dự án SXTN)

**Phụ lục 2-TMDA**

**Nhu cầu điện, nước, xăng dầu**

(Để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất đợt tiếp theo)

Đơn vị: Triệu đồng

T T	Mục chỉ	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn									Tự có	Khác
							Ngân sách SNKH										
							Tổng số	Trong đó, khoản chi theo quy định *	Năm thứ nhất	Trong đó, khoản chi theo quy định *	Năm thứ hai	Trong đó, khoản chi theo quy định *	Năm thứ ba	Trong đó, khoản chi theo quy định *			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	
1		Vé điện :	kWh														
		- Điện sản xuất: Tổng công suất thiết bị, máy móc.....kW															
2		Vé nước:	m <sup>3</sup>														
3		Vé xăng dầu :	Lít														
		- Cho thiết bị sản xuất ..... tấn															
		- Cho phương tiện vận tải ..... tấn															

\* Chỉ dự toán khi được phê duyệt (theo quy định hiện hành về cơ chế khoán kinh phí đối với các đề tài, dự án SXTN)

## A) Thiết bị hiện có (tính giá trị còn lại)

TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
I	Thiết bị công nghệ				
1					
2					
3					
4					
II	Thiết bị thử nghiệm, đo lường				
1					
2					
3					
4					
Cộng:					



## Chi phí hỗ trợ công nghệ

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Mục chi	Nội dung	Chi phí	Nguồn vốn					
				Ngân sách SNKH				Tự có	Khác
				Tổng số	Năm thứ nhất*	Năm thứ hai*	Năm thứ ba*		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
A		Chi phí hỗ trợ cho các hạng mục công nghệ (kể cả công nghệ nhập)							
1		- Hoàn thiện, nắm vững và làm chủ quy trình công nghệ							
2		- Hoàn thiện các thông số về kỹ thuật							
3		- Ôn định các thông số và chất lượng nguyên vật liệu đầu vào							
4		- Ôn định chất lượng sản phẩm; về khối lượng sản phẩm cần sản xuất thử nghiệm							
5		.....							
B		Chi phí đào tạo công nghệ							
1		- Cán bộ công nghệ							
2		- Công nhân vận hành							
3		.....							
		Cộng							

\* Chỉ dự toán khi dự án được phê duyệt



**Phụ lục 5-TMDA**

**Đầu tư cơ sở hạ tầng**

*Đơn vị: Triệu đồng*

**A. Nhà xưởng đã có (giá trị còn lại)**

TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
1					
2					
3					
Cộng A:					

**B) Nhà xưởng xây dựng mới và cải tạo**

*Đơn vị: Triệu đồng*

TT	Mục chi	Nội dung	Kinh phí	Nguồn vốn					Tự có	Khác
				Ngân sách SNKH						
				Tổng số	Năm thứ nhất*	Năm thứ hai*	Năm thứ ba*			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
1		Xây dựng nhà xưởng mới								
2		Chi phí sửa chữa cải tạo								
3		Chi phí lắp đặt hệ thống điện								
4		Chi phí lắp đặt hệ thống nước								
5		Chi phí khác								
		Cộng B:								

\* Chỉ dự toán khi dự án được phê duyệt

**Phụ lục 6-TMDA**

**Chi phí lao động**

(Để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất đợt tiếp theo)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Mục chi	Nội dung	Số người	Số tháng	Chi phí tr. đ/ người/ tháng	Thành tiền	Nguồn vốn					
							Ngân sách SNKH				Tự có	Khác
							Tổng số	Năm thứ nhất*	Năm thứ hai*	Năm thứ ba*		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1		Chủ nhiệm dự án										
2		Kỹ sư										
3		Nhân viên kỹ thuật										
4		Công nhân										
		Cộng										

\* Chỉ dự toán khi dự án được phê duyệt

T T	Mục chi	Nội dung	Thành tiền	Nguồn vốn									Tự có	Khác
				Ngân sách SNKH										
				Tổng số	Trong đó, khoản chi theo quy định *	Năm thứ nhất	Trong đó, khoản chi theo quy định *	Năm thứ hai	Trong đó, khoản chi theo quy định *	Năm thứ ba	Trong đó, khoản chi theo quy định *			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	
1		Công tác phí - Trong nước - Ngoài nước												
2		Quản lý phí - Quản lý hành chính thực hiện dự án												
3		Sửa chữa, bảo trì thiết bị												
4		Chi phí kiểm tra, đánh giá nghiệm thu: - Chi phí kiểm tra trung gian - Chi phí nghiệm thu cấp cơ sở												

5		<b>Chỉ khác:</b> - Hội thảo, hội nghị, - Đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ, - Thông tin tuyên truyền, tiếp thị, quảng cáo, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm - Báo cáo tổng kết, - In ấn, - Phụ cấp chủ nhiệm dự án,...												
		Cộng												

*\* Chỉ dự toán khi được phê duyệt (theo quy định hiện hành về cơ chế khoán kinh phí đối với các đề tài, dự án SXTN)*

## Kế hoạch tiến độ thực hiện

T T	Nội dung công việc	Tháng																										
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	...		
1	Sửa chữa, xây dựng nhà xưởng																											
2	Hoàn thiện công nghệ																											
3	Chế tạo, mua thiết bị																											
4	Lắp đặt thiết bị																											
5	Đào tạo công nhân																											
6	Sản xuất thử nghiệm (các đợt)																											
7	Thử nghiệm mẫu																											
8	Hiệu chỉnh công nghệ																											
9	Đánh giá nghiệm thu																											

**Phụ lục 9-TMDA**

**Về khả năng chấp nhận của thị trường**

**I) Nhu cầu thị trường**

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị đo	Số lượng có thể tiêu thụ trong năm:			Chú thích
			20..	20..	20..	
1	2	3	4	5	6	7

**II) Phương án sản phẩm**

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị đo	Số lượng sản xuất trong năm:			Tổng số	Cơ sở tiêu thụ
			20..	20..	20..		
1	2	3	4	5	6	7	8

**III) Danh mục chỉ tiêu chất lượng sản phẩm**

TT	Tên sản phẩm và chỉ tiêu chất lượng chủ yếu	Đơn vị đo	Mức chất lượng			Ghi chú
			Cần đạt	Tương tự mẫu		
				Trong nước	Thế giới	
1	2	3	4	5	6	7

### **3. Thủ tục đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước**

#### **a) Trình tự thực hiện:**

- Căn cứ Hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ giữa Sở Khoa học và Công nghệ với đơn vị chủ trì và chủ nhiệm; trong thời gian 30 ngày kể từ ngày kết thúc hợp đồng hoặc thời điểm gia hạn hợp đồng (nếu có), đơn vị chủ trì và chủ nhiệm nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường Bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Khoa học và Công nghệ (Số 263 Trần Hưng Đạo, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau; Điện thoại: 0780.3837128; 3837232; Fax: 0780.3815540) vào giờ hành chính các ngày làm việc (trừ ngày nghỉ lễ theo quy định), thời gian cụ thể như sau:

+ Buổi sáng: Từ 07 giờ đến 11 giờ.

+ Buổi chiều: Từ 13 giờ đến 17 giờ.

- Công chức tiếp nhận kiểm tra hồ sơ, nếu hồ sơ đầy đủ thì tiếp nhận và viết phiếu hẹn; nếu hồ sơ chưa đủ thì lập phiếu hướng dẫn để bổ sung một lần đầy đủ theo quy định.

- Trường hợp gửi hồ sơ qua đường bưu điện: ngày chứng thực nhận hồ sơ là ngày ghi theo dấu của bưu điện hoặc dấu đến của cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

- Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức kiểm tra và xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ: trong thời hạn 03 ngày làm việc Sở Khoa học và Công nghệ thông báo cho tổ chức chủ trì về tính hợp lệ của hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ theo quy định thì thông báo cho tổ chức chủ trì bổ sung trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Sở Khoa học và Công nghệ.

- Theo thời gian ghi trong phiếu hẹn, liên hệ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả để nhận kết quả.

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính.

#### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

##### **- Thành phần**

+ Công văn đề nghị đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ cấp tỉnh của tổ chức chủ trì theo (Mẫu 1).

+ Báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ.

+ Báo cáo về sản phẩm khoa học và công nghệ của nhiệm vụ.

+ Bản sao hợp đồng và thuyết minh nhiệm vụ.

+ Các văn bản xác nhận và tài liệu liên quan đến việc công bố, xuất bản, đào tạo, tiếp nhận và sử dụng kết quả nghiên cứu (nếu có).

+ Các số liệu (điều tra, khảo sát, phân tích...), sổ nhật ký của nhiệm vụ.

+ Văn bản xác nhận về sự thỏa thuận của các tác giả về việc sắp xếp thứ tự tên trong danh sách tác giả thực hiện nhiệm vụ.

- + Báo cáo tình hình sử dụng kinh phí của nhiệm vụ.
- + Báo cáo tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.
- + Các tài liệu khác (nếu có).
- Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ gốc (có dấu và chữ ký trực tiếp) và 01 bản điện tử (dạng PDF, không cài bảo mật).

**d) Thời hạn giải quyết:** 45 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

Tổ chức khoa học và công nghệ, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ, cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Khoa học và Công nghệ.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Đạt hay không đạt.

**h) Lệ phí:** Không.

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Công văn đề nghị đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ cấp tỉnh của tổ chức chủ trì.

**k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Khoa học và công nghệ năm 2013;
- Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ;
- Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;
- Quyết định số 31/2015/QĐ-UBND ngày 06/10/2015 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà trên địa bàn tỉnh Cà Mau.



**TÊN TỔ CHỨC CHỦ TRÌ  
NHIỆM VỤ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../.....  
V/v: Đề nghị đánh giá, nghiệm thu  
nhiệm vụ khoa học và công nghệ  
cấp tỉnh

....., ngày tháng năm 201...

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ Cà Mau

Căn cứ Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước,  
..... (Tên Tổ chức chủ trì nhiệm vụ) đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ xem xét và tổ chức đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sau đây:

Tên nhiệm vụ: .....  
Mã số: .....

Hợp đồng số: .....

Thời gian thực hiện theo hợp đồng: từ đến

Thời gian được điều chỉnh, gia hạn (nếu có) đến:

Chủ nhiệm nhiệm vụ: .....

Kèm theo công văn này là hồ sơ đánh giá nhiệm vụ cấp tỉnh, gồm:

1. Báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ.
2. Báo cáo về sản phẩm khoa học và công nghệ của nhiệm vụ.
3. Bản sao hợp đồng và thuyết minh nhiệm vụ.
4. Các văn bản xác nhận và tài liệu liên quan đến việc công bố, xuất bản, đào tạo, tiếp nhận và sử dụng kết quả nghiên cứu (nếu có).
5. Các số liệu (điều tra, khảo sát, phân tích...), sổ nhật ký của nhiệm vụ.
6. Văn bản xác nhận về sự thỏa thuận của các tác giả về việc sắp xếp thứ tự tên trong danh sách tác giả thực hiện nhiệm vụ.
7. Báo cáo tình hình sử dụng kinh phí của nhiệm vụ.
8. Báo cáo tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.
9. Các tài liệu khác (nếu có).

Số lượng hồ sơ gồm:

- 01 bộ (bản gốc) đầy đủ tài liệu kể trên;
- 01 bản điện tử về các file báo cáo ghi trên đĩa quang (dạng PDF, không cài đặt bảo mật).

Đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ xem xét và tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả nhiệm vụ./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- .....

**THỦ TRƯỞNG  
TỔ CHỨC CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ**  
(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)

## **II. Lĩnh vực sở hữu trí tuệ**

### **1. Hỗ trợ kinh phí đăng ký nhãn hiệu**

#### **a) Trình tự thực hiện:** Gồm 03 bước

##### **Bước 1. Chuẩn bị hồ sơ**

Người có nhu cầu liên hệ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Khoa học và Công nghệ Cà Mau (số 263 đường Trần Hưng Đạo phường 5 thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau – Điện thoại: 07803815872 - 07803837128) vào giờ hành chính các ngày làm việc để được hướng dẫn chuẩn bị hồ sơ (trừ ngày nghỉ lễ theo quy định), thời gian cụ thể như sau:

- Buổi sáng: Từ 07 giờ đến 11 giờ.

- Buổi chiều: Từ 13 giờ đến 17 giờ.

##### **Bước 2. Nộp hồ sơ**

Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Khoa học và Công nghệ Cà Mau. Công chức thụ lý hồ sơ thẩm tra tính pháp lý của hồ sơ:

- Nếu không đủ điều kiện cấp thì lập phiếu hướng dẫn bổ sung một lần đầy đủ theo quy định.

- Nếu đủ điều kiện thì nhận hồ sơ và viết phiếu hẹn.

##### **Bước 3. Nhận kết quả**

Theo thời gian ghi trong phiếu hẹn, người nộp hồ sơ liên hệ Bộ phận tiếp nhận và trả kết để nhận kết quả.

(Trường hợp ủy quyền cho người khác đi nhận kết quả thì phải xuất trình giấy giới thiệu hoặc ủy quyền).

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp trực tiếp hoặc gửi theo đường bưu điện.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

**Thành phần hồ sơ gồm:**

- Bản sao có chứng thực giấy chứng nhận bảo hộ nhãn hiệu do Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam cấp (nếu không chứng thực thì mang bản photocopy kèm bản chính để đối chiếu);

- Bản sao có chứng thực giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nếu không chứng thực thì mang bản photocopy kèm bản chính để đối chiếu);

- Bản đề nghị hỗ trợ kinh phí (mẫu 1).

**Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:**

- 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp trong nội ô thành phố Cà Mau.

- 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp ở tuyến huyện.

**e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**g) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Khoa học và Công nghệ.

**h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định hỗ trợ.

**i) Phí, lệ phí:** Không.

**k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Bản đề nghị hỗ trợ kinh phí (mẫu 1 ban hành kèm theo Quyết định số 18/2010/QĐ-UBND).

**l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Doanh nghiệp được cơ quan có thẩm quyền cấp chứng nhận một trong các lĩnh vực: bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ (phần sở hữu công nghiệp); xây dựng và áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến; tham dự giải thưởng chất lượng trong và ngoài nước.

- Không nằm trong một chương trình, kế hoạch khác đã được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

**m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số 56/2009/NĐ-CP ngày 30/06/2009 của Chính phủ về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa;

- Quyết định số 18/2010/QĐ-UBND ngày 15 tháng 09 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành Quy định hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Tên DN:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /.....

Cà Mau, ngày tháng năm 20.....

V/v hỗ trợ kinh phí xây dựng

(1).....

Kính gửi: Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ Cà Mau

Căn cứ Quyết định số /2010/QĐ-UBND ngày / /2010 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Cà Mau về việc Ban hành Quy định hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

(Tên DN) ..... chúng tôi là doanh nghiệp ...(2)...., với số vốn kinh doanh là....., số lượng công nhân lao động hiện nay là..... người.

Sau thời gian tham gia xây dựng (1)....., doanh nghiệp chúng tôi đã được chứng nhận như sau:

- 1.....
- 2.....
- 3.....

(Tên DN) ..... đề nghị quý sở Khoa học và Công nghệ xem xét hỗ trợ kinh phí các kết quả đạt được nêu trên theo Quyết định /2010/QĐ-UBND ngày ...../...../2010 của UBND tỉnh Cà Mau.

Công ty.....

Địa chỉ:.....

ĐT:.....

Tài khoản..... Tại Ngân hàng .....

Chúng tôi cam kết những nội dung ghi trong văn bản này là hoàn toàn sự thật. Xin gửi kèm Công văn này các hồ sơ có liên quan theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;

- Lưu: VT.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ  
(ký tên, ghi rõ họ, tên, đóng dấu)

\* Ghi chú:

(1) Lĩnh vực được chứng nhận theo Điều 6 của Quy định này;

(2) Quy mô doanh nghiệp theo Điều 4 Quy định này.